

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **124/2020/HS-ST**
Ngày: 26-6-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Châu Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hiệp;

2/ Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hai – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 129/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Ngọc T, sinh năm: 1995 tại tỉnh Bình Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 81, khu 9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Lê Văn P và bà Trà T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/3/2020 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

Nhân thân: Ngày 18/10/2016, bị Công an phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 116/QĐ-XPVPHC với số tiền phạt và 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị hại: Ông Nguyễn Đại T1, sinh năm 1953; địa chỉ: khu phố 9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 15/3/2020, trong lúc Lê Ngọc T đang ở nhà tại địa chỉ số khu 9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì có người bạn tên

Tùng (hiện không xác định rõ họ tên và địa chỉ cư trú) điều khiển xe mô tô hiệu Honda Click, màu đỏ (không xác định rõ biển số) chạy đến nhà chơi với T. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, do không có tiền để tiêu xài nên T nảy sinh ý định đi lấy trộm tài sản của người khác để bán lấy tiền. Thực hiện ý định trên, T giả vờ hỏi mượn xe Honda Click của Tùng để đi mua đồ thì được Tùng đồng ý cho mượn xe. Sau khi mượn được xe, T điều khiển xe Honda Click chạy qua các tuyến đường thuộc địa bàn phường Phú Lợi để tìm tài sản lấy trộm. Khi T đi đến căn nhà trọ ở mặt tiền đường hẻm phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (do ông Nguyễn Đại T1 thuê ở) đang trong tình trạng cửa khép hờ, bên trong có ông T1 đang nằm ngủ và xung quanh vắng người nên T dừng và dựng xe ở phía trước cửa nhà trọ rồi xuống xe, đi đến và dùng tay đẩy mở cửa để đi vào bên trong tìm tài sản lấy trộm. Khi vào trong nhà, T nhìn thấy phía bên trái hướng từ ngoài vào có đặt 01 (một) bàn gỗ nên T đi lại mở các hộc bàn để tìm tài sản. Khi T mở hộc bàn ở trên cùng thì T nhìn thấy và lấy trộm được 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A71K, màu xanh và 01 (một) bóp da, màu đen bỏ vào túi quần của T rồi T đi ra ngoài lấy xe Honda Click chạy về nhà. Khi về đến nhà, T đã trả lại xe Honda Click cho Tùng và Tùng điều khiển xe đi về. Sau đó, T mở bóp da, màu đen ra kiểm tra thì thấy bên trong có số tiền 5.500.000 (năm triệu, năm trăm ngàn) đồng và một số giấy tờ tùy thân của ông T1. T đã lấy hết số tiền trong bóp rồi đem bóp da, màu đen cùng một số giấy tờ tùy thân của ông T1 ở bên trong bóp ra bỏ vào thùng rác ven đường ở gần nhà của T (hiện không thu hồi được). Số tiền 5.500.000 (năm triệu, năm trăm ngàn) đồng T đã tiêu xài hết còn điện thoại di động hiệu OPPO A71K, màu xanh T để lại sử dụng.

Đối với ông Nguyễn Đại T1 sau khi biết bị mất trộm tài sản và qua kiểm tra camera thì biết được Lê Ngọc T chính là người trộm cắp tài sản nên ngày 17/3/2020 ông T1 đã đến Công an phường Phú Lợi để tố giác Lê Ngọc T về hành vi trộm cắp tài sản. Ngay khi nhận được tố giác về tội phạm của ông T1, Công an phường Phú Lợi đã yêu cầu T đến trụ sở để làm việc và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của T và tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A71K, màu xanh. Cùng ngày 17/3/2020, Công an phường Phú Lợi đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 47/KLTS-TTHS ngày 19/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A71k, màu xanh có trị giá là 1.800.000 (một triệu, tám trăm ngàn) đồng và 01 (một) bóp da nam, màu đen có trị giá là 50.000 (năm mươi ngàn) đồng). Như vậy, tổng trị giá tài sản mà Lê Ngọc T đã lén lút chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Đại T1 là 7.350.000 (bảy triệu, ba trăm năm mươi ngàn) đồng.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A71k, màu xanh, quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của bị hại Nguyễn Đại T1. Do đó, ngày 07/5/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định xử lý vật chứng số 73/QĐ-CSĐT để giao trả lại cho bị hại T1.

Hiện bị hại Nguyễn Đại T1 yêu cầu Lê Ngọc T phải bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 5.500.000 đồng nhưng T chưa bồi thường số tiền trên cho bị hại T1.

Cáo trạng số 143/CT-VKS-HS ngày 21/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Lê Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng.

Về biện pháp tư pháp: Không có.

Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với Viện Kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 15/3/2020, tại căn nhà trọ ở mặt tiền đường hẻm số 669/87, khu 9, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Lê Ngọc T đã có hành vi lén lút trộm cắp của ông Nguyễn Đại T1 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A71k, màu xanh, trị giá 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng; 01 (một) bóp da nam, màu đen trị giá 50.000 (năm mươi nghìn) đồng và 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng tiền Việt Nam. Tổng giá trị tài sản bị cáo đã lén lút chiếm đoạt là 7.350.000 (bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo là người có nhân thân xấu. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; một phần tài sản đã được thu hồi và giao trả cho bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng, bị cáo đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp: Không có.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589; các Điều 106, 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc T 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/3/2020.

3/ Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Nguyễn Đại T1 số tiền 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Về biện pháp tư pháp: Không có.

5/ Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THA thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Châu Giang